

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và bán lẻ với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

CII, VJC

[Cập nhật công ty]

HPG

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi gia tăng tỷ trọng cổ phiếu ở ngưỡng 1080 (+-15), NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, và chỉ gia tăng tỷ trọng thêm khi về các ngưỡng hỗ trợ xa hơn tại 1030 (+-15)

19/12/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,096.30	+0.40
VN30	1,091.87	+0.66
HĐTL VN30F1M	1,091.30	+0.86
HNXIndex	227.27	+0.68
HNX30	487.63	+1.21
UPCoM	85.10	+0.26
USD/VND	24,372	+0.21
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.22	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.21	+8
Dầu (WTI, \$)	71.85	-0.86
Vàng (LME, \$)	2,026.86	-0.02



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,096.30 (+0.40%)
KLGD (triệu CP) 561.2 (+17.5%)
GTGD (triệu US\$) 525.4 (-13.2%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và bán lẻ với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng 466 tỷ đồng, tập trung tại EIB (+2.2%), VNM (+0.0%), SSI (+1.4%).

HNXIndex 227.27 (+0.68%)
KLGD (triệu CP) 78.5 (+1.1%)
GTGD (triệu US\$) 55.7 (+32.8%)

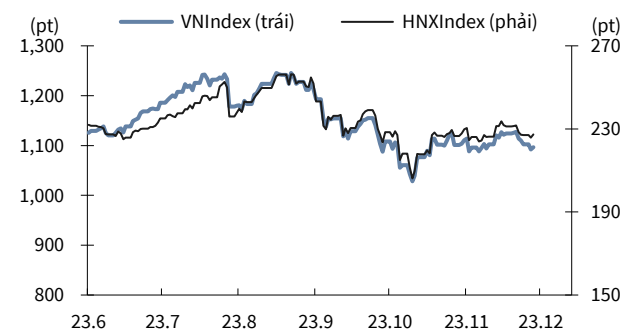
Trong phiên giao dịch sáng ngày 19/12, giá dầu biến động nhẹ, giá dầu thô WTI của Mỹ tăng 0.15% lên 72.94 USD. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở PVC (+1.34%), PVS (+1.34%).

UPCoM 85.10 (+0.26%)
KLGD (triệu CP) 22.8 (-33.1%)
GTGD (triệu US\$) 11.7 (-8.4%)

Giá thép giao tháng 5/2024 trên Sàn giao dịch Thương Hải tăng 22 nhân dân tệ lên mức 3,883 nhân dân tệ/tấn tại thời điểm khảo sát vào lúc 9h55 ngày 19/12 (theo giờ Việt Nam). Cổ phiếu ngành thép tăng giá ở HPG (+2.26%), NKG (+5.49%).

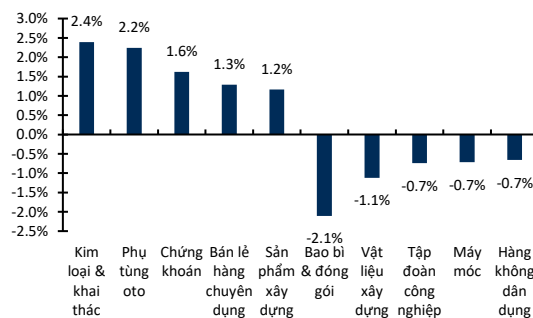
NDTNN mua ròng (triệu US\$) -19.1

VNIndex & HNXIndex



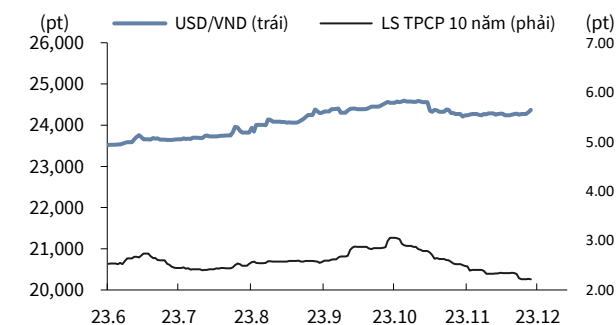
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



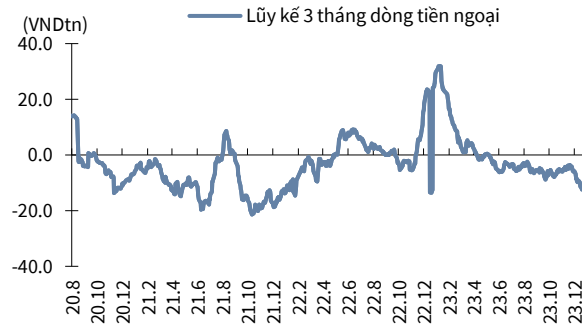
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

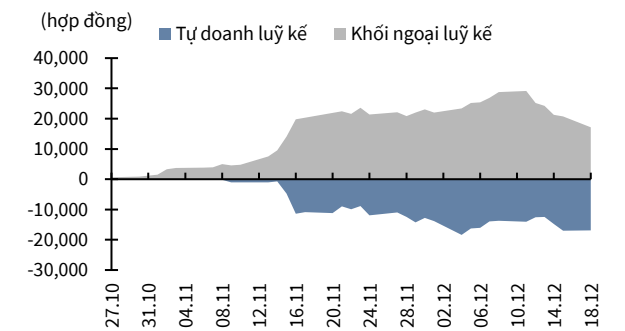
VN30	1,091.87 (+0.66%)
VN30F1M	1,091.3 (+0.86%)
Mở cửa	1,082.0
Cao nhất	1,091.3
Thấp nhất	1,078.1

KLGD (HĐ) **242,824 (+3.4%)**

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa ở mức thấp nhất phiên tại -3.37 điểm, sau đó biến động quanh mức 1 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -0.57 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

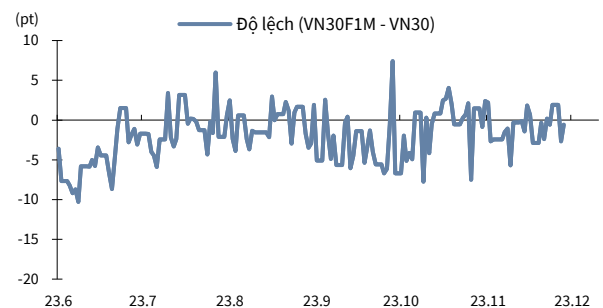
Khối ngoại bán ròng 3,872 HĐTL VN30F2312 tuy nhiên đang duy trì vị thế mua lũy kế 13,327 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 3,022 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 13,917 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



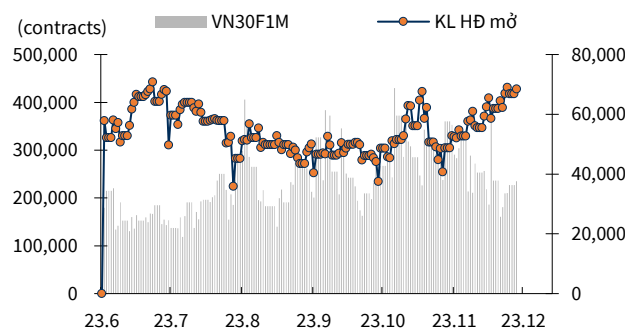
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



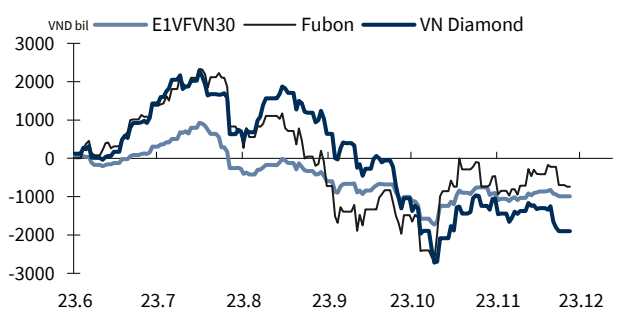
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

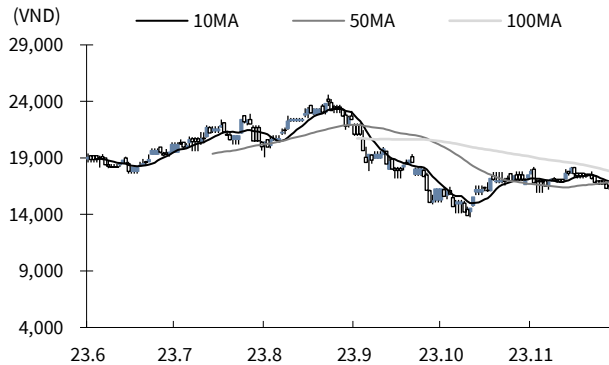
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

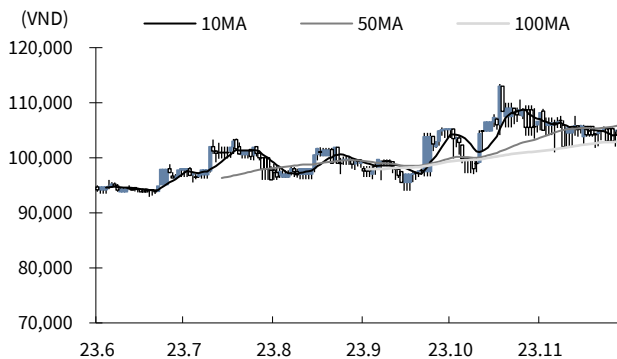


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CII tăng 1.23% lên 16,500 VND/cp

- CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP HCM cho biết, tính tới ngày 18/12, CII và các đơn vị thành viên đã phối hợp làm việc và hoàn tất giải ngân 9.302 tỷ đồng từ khoản tài trợ của Vietcombank cho hai dự án cơ sở hạ tầng là dự án BOT Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận và dự án BOT Xa lộ Hà Nội. Trong đó, mức lãi suất cho khoản vay áp dụng dao động từ 8.55% đến 8.7%/năm, thời gian vay từ 7 đến 14 năm.

CTCP Hàng không Vietjet (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC giảm 0.67% xuống 104,300 VND/cp

- Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc tạm hoãn thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 để ưu tiên thực hiện trước phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, Vietjet sẽ chào bán tối đa 24.5 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá chào bán 100,000 đồng/cổ phiếu cho dưới 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Dự kiến, Vietjet có thể thu về 2,450 tỷ đồng sau khi kết thúc đợt chào bán.

CTCP Tập đoàn Hoà Phát (HPG)

Sản lượng tiêu thụ tiếp tục cải thiện

18/12/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên
nguyenn1@kbsec.com.vn

Doanh thu và LNST đạt lần lượt 28,484 tỉ VND (-16% YoY) và 2,000 tỉ VND (cùng kỳ đạt -1,744 tỉ VND)

So với 2Q2023, doanh thu giảm 3% QoQ và LNST tăng 37% QoQ nhờ (1) sản lượng tiêu thụ tăng 8% (tiêu thụ thép xây dựng tăng 17% nhờ kênh xuất khẩu) và (2) giá nguyên liệu đầu vào giảm giúp biên lãi gộp tăng 178 bps QoQ

Sản lượng tiêu thụ 4Q2023 tiếp tục xu hướng tăng nhờ kênh xuất khẩu và tiêu thụ thép xây dựng hồi phục

Ước tính công suất sản xuất HRC ở mức 100% trong 4Q2023 (tương đương 750,000 tấn/quý), cùng với đó là tiêu thụ thép xây dựng tiếp tục được cải thiện nhờ xu hướng tích trữ hàng tồn kho của các đại lý trước khi HPG điều chỉnh giá bán

Giá nguyên vật liệu tăng trở lại trong 4Q2023 tác động tới biên lãi gộp

Chúng tôi ước tính biên lãi gộp HPG suy giảm trong 4Q2023 do giá quặng sắt và than cốc ước tính tăng trung bình 9% QoQ và 30% QoQ

Kỳ vọng sản lượng tiêu thụ duy trì và đà tăng giá bán dần phản ánh trong 1Q2024

Chúng tôi cho rằng giá nhập khẩu cạnh tranh tiếp tục tạo lợi thế xuất khẩu tới các thị trường Mỹ, EU, đồng thời sản lượng sẽ được duy trì nhờ động lực gia tăng hàng tồn kho của các nhà phân phối trước mùa xây dựng

Kỳ vọng thị trường Bất động sản Dân cư dần hồi phục từ 2Q2024

Thị trường Bất động sản Dân cư tại Việt Nam có những dấu hiệu hồi phục trong 4Q2023 khi giá trên thị trường thứ cấp đã tạo đáy và số lượng giao dịch đất nền gia tăng. Kỳ vọng ngành Bất động sản dần hồi phục từ 2Q2024

Khuyến nghị MUA với cổ phiếu HPG, giá mục tiêu 32,200 VND/cổ phiếu

Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA với HPG, với lợi nhuận kỳ vọng ở mức 21% so với giá đóng cửa ngày 18/12/2023

MUA duy trì

Giá mục tiêu	VND 32,200
Tăng/giảm	21%
Giá hiện tại (18/12/2023)	VND 26,600
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 29,050
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	15.6/6.4

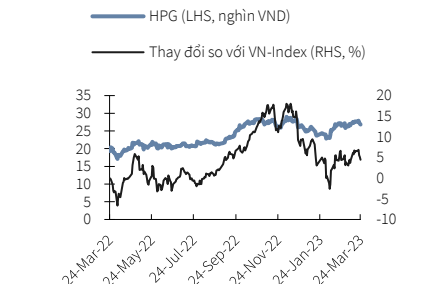
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	618.9/25.4
Sở hữu nước ngoài (%)	25.39%
Cổ đông lớn (Trần Đình Long)	26.08%

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2	18	35	20
Tương đối	0	9	19	22

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	149,680	141,409	118,166	133,023
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	37,008	9,794	6,366	11,919
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	34,478	8,484	5,436	10,131
EPS (VND)	7,708	1,459	935	1,742
Tăng trưởng EPS (%)	90%	-81%	-36%	86%
P/E (x)	4.6	12.3	28.5	15.3
P/B (x)	1.8	1.1	1.6	1.5
ROE (%)	46%	9%	6%	10%
Tỉ suất cổ tức (%)	3.8%	3.9%	0.0%	0.0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc trong hầu hết phiên giao dịch trước khi đột ngột đảo chiều hồi phục tích cực về cuối phiên.
- VNIndex đã cho phản ứng hồi phục tương đối tích cực sau khi tiếp cận sát 1080 và hình thành nên mẫu nến rút chân, thể hiện diễn biến tâm lý có phần chủ động hơn từ phe mua. Mặc dù vậy, VNIndex sẽ khó có khả năng tăng điểm bút phá trong các nhịp tới do xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đang là chủ đạo và VNIndex có thể sẽ quay trở lại kiểm định ngưỡng cận dưới của vùng hỗ trợ 1080 (+-15).
- Sau khi gia tăng tỷ trọng cổ phiếu ở ngưỡng 1080 (+-15), NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm, và chỉ gia tăng tỷ trọng thêm khi về các ngưỡng hỗ trợ xa hơn tại 1030 (+-15).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1119 – 1122

Kháng cự gần: 1102 – 1108

Hỗ trợ gần: 1076 – 1080

Hỗ trợ xa: 1068 – 1071

- F1 diễn biến rung lắc trong hầu hết phiên giao dịch trước khi đột ngột đảo chiều hồi phục tích cực về cuối phiên.
 - F1 đã cho phản ứng hồi phục tương đối tích cực sau khi tiếp cận 1080 và hình thành nên mẫu nến rút chân, thể hiện diễn biến tâm lý có phần chủ động hơn từ phe mua. Mặc dù vậy, F1 sẽ khó có khả năng tăng điểm bút phá trong các nhịp tới do xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đang là chủ đạo và F1 có thể sẽ quay trở lại kiểm định ngưỡng cận dưới của vùng hỗ trợ 1080 (+/-15).
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở vị thế Long từng phần khi F1 về các ngưỡng hỗ trợ xa
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

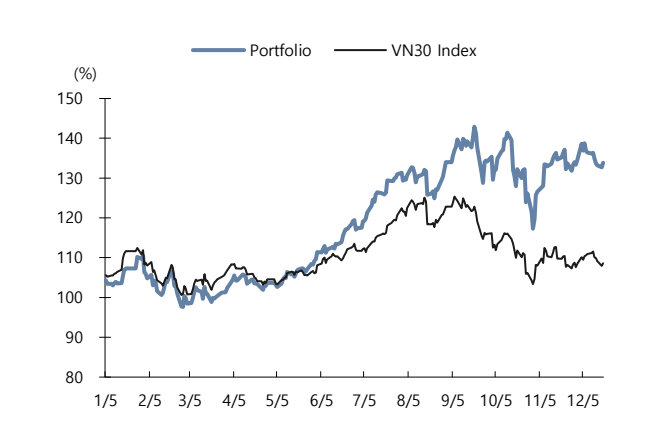
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.66%	0.88%
Tăng lũy kế (YTD)	8.62%	33.88%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/12/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	32,150	1.4%	18.4%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuan (PNJ)	11/01/2023	79,400	-0.1%	10.3%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Digiworld (DGW)	12/01/2023	50,700	2.4%	-1.6%	- Kỳ vọng đóng góp từ ngành hàng và thương hiệu mới - Khác biệt DGW với các nhà bán lẻ giúp bảo toàn lợi nhuận và phát triển bền vững
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	15,250	1.3%	20.6%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	23,050	1.1%	6.7%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nam Long (NLG)	12/01/2023	36,600	0.8%	-1.6%	- Doanh số bán hàng trong quý 3/2023 tiếp tục cải thiện so với các quý trước - Các dự án căn hộ trung cấp/vừa túi tiền vẫn thu hút được người mua có nhu cầu thực - Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn
Petrovietnam Fertilizer (DPM)	12/01/2023	32,800	0.0%	-1.2%	- Kỳ vọng DPM có thể cải thiện BLNG nhờ tiêu thụ hết phần tồn kho giá cao và có hợp đồng giá khí đầu vào tốt hơn - Nhu cầu tiêu thụ có thể cải thiện từ đầu năm 2024 khi thị trường nội địa bước vào vụ mùa mới
Hai An Transport (HAH)	12/01/2023	35,900	2.9%	-1.0%	- Giá cước có thể cải thiện do các vấn đề liên quan tới thời tiết và lưu lượng tàu tại các kênh đào - Khai thác cảng sẽ là nguồn thu ổn định cho HAH khi thị trường vận tải container gặp khó - HAH tích cực mở thêm các tuyến vận tải mới, giúp củng cố HOKD
Vietcombank (VCB)	12/01/2023	81,200	-0.4%	-4.5%	- Tín dụng tăng tốc giai đoạn cuối năm 2023 và tăng trưởng bền vững trong năm 2024 - Bộ đệm dự phòng vững chắc
Khang Dien House (KDH)	12/01/2023	30,100	-0.7%	-4.6%	- Kỳ vọng dự án The Privia đạt tỷ lệ hấp thụ tốt, đóng góp vào doanh số bán hàng năm 2023-2024 - Kỳ vọng doanh số năm 2024 tăng trưởng mạnh

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-0.7%	97.2%	117.4
DGC	1.7%	19.3%	14.7
VRE	0.4%	32.0%	21.0
HDB	3.0%	19.8%	17.4
MWG	2.7%	44.2%	50.4
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
EIB	2.2%	2.7%	-171.3
VNM	0.0%	54.3%	-93.6
SSI	1.4%	44.2%	-91.5
HCM	1.6%	41.7%	-57.2
STB	1.1%	23.1%	-56.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	1.0%	1.7%	16.2
TNG	1.5%	19.5%	0.7
TIG	-7.7%	11.6%	0.4
PVI	0.0%	59.4%	0.3
VCS	1.1%	2.8%	0.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	1.3%	21.6%	-11.4
SHS	2.7%	13.5%	-3.5
BVS	0.8%	8.6%	-0.6
EID	-0.5%	0.0%	-0.3
NVB	-1.0%	4.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	0.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Máy móc	0.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Vận tải hàng không & Logistics	-0.2%	TMS, SCS, STG, ASG
Hàng không dân dụng	-0.3%	VJC, HVN
Dược	-0.8%	DHG, IMP, TRA, DBD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-6.8%	TNH, JVC, VMD
Sản phẩm xây dựng	-4.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Tập đoàn công nghiệp	-4.4%	REE, BCG, PET, EVG
Hóa chất	-4.3%	GVR, DGC, DPM, DCM
Tiện ích khí	-4.0%	GAS, PGD, PMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	5.3%	PGV, NT2, PPC, TTA
Chứng khoán	4.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Dịch vụ tài chính đa dạng	4.6%	EVF, OGC
Công nghệ	3.9%	FPT, CMG, ELC
Máy móc	3.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích khí	-4.6%	GAS, PGD, PMG
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-4.4%	TLG, ILB, APC, ST8
Giấy & lâm sản	-3.8%	DHC, HAP, HHP, VID
Bảo hiểm	-3.7%	BVH, MIG, BIC, BMI
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.4%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	143,490 (5.9)	22.5	43.0	-	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	0.0	-2.4	2.4	-19.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	283,421 (11.7)	26.6	4.5	4.6	35.9	22.5	18.8	1.0	0.9	-1.0	-3.8	1.4	-17.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	84,952 (3.5)	17.8	12.1	11.8	-7.6	12.1	11.2	1.4	1.3	0.4	-4.0	-0.4	-13.7
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	499,941 (20.6)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	2.4	-5.1	4.3	20.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	49,195 (2.0)	11.6	22.3	20.7	13.7	9.1	10.5	1.7	1.7	-0.7	-4.1	-4.4	24.9
	DXG	DAT XANH GROUP	20,008	12,594 (547)	424,910 (17.5)	13.9	50.4	42.0	-	2.5	3.1	1.3	1.3	1.6	2.9	1.1	57.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	90,609 (3.7)	6.3	15.2	12.9	11.7	20.9	19.4	2.6	2.1	-0.4	-3.6	-5.1	19.9
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	39,129 (1.6)	12.7	12.0	9.4	-5.3	18.3	19.4	2.0	1.7	0.5	-1.7	8.2	20.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	90,081 (3.7)	0.0	5.9	5.1	14.3	14.8	15.2	0.8	0.7	1.8	-1.4	-1.8	18.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,516	137,021 (5,955)	83,649 (3.4)	1.4	8.0	6.6	50.3	15.8	16.7	1.1	1.0	1.7	-1.9	-0.3	8.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	189,293 (7.8)	0.0	11.2	8.5	18.8	10.0	11.4	1.0	0.9	-0.5	-5.9	-5.2	2.2
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	128,903 (5.3)	0.0	4.7	4.1	14.6	24.5	23.1	1.0	0.8	0.8	-0.5	-0.3	22.1
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	128,466 (5.3)	4.2	6.2	4.8	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	3.0	0.8	2.4	36.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	454,592 (18.7)	14.0	8.3	5.1	26.5	16.6	21.4	1.1	0.9	1.1	-5.0	-9.4	18.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	92,015 (3.8)	0.0	5.3	4.8	37.4	19.0	19.1	1.1	0.9	0.6	-2.0	0.0	12.4
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	231,504 (9.5)	0.2	-	-	27.3	7.7	11.4	-	-	2.2	-3.7	-1.6	-7.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	13,560 (0.6)	21.0	16.2	15.9	15.8	8.7	8.4	1.4	1.3	0.4	-2.2	-4.0	-15.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,563 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.5	-1.4	-2.8	6.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	689,195 (28.4)	55.4	22.9	20.6	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.1	1.4	-1.4	2.1	81.6
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	273,804 (11.3)	71.9	35.4	25.5	-4.0	7.9	10.8	2.8	2.7	1.0	-1.4	2.6	77.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	188,280 (7.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.6	-0.6	9.8	57.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	632,088 (26.1)	27.2	19.1	18.8	36.3	9.3	9.3	1.8	1.7	1.2	-1.1	7.7	61.5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	179,072 (7.4)	42.1	18.3	15.6	4.0	27.7	29.6	4.6	4.3	0.0	-3.5	-4.3	-12.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	36,145 (1.5)	36.9	17.7	16.7	7.3	18.8	21.5	3.3	3.6	1.1	-4.3	-2.4	-25.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	138,352 (5.7)	16.5	71.9	28.9	-51.9	3.9	11.7	3.3	3.0	-1.1	-6.0	-3.0	-33.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	9,547 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	4.7	3.1	8.6	-2.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	87,920 (3.6)	11.0	58.5	23.4	-88.5	5.4	13.7	3.7	3.2	-0.7	-0.2	-1.1	-4.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	50,448 (2.1)	10.8	9.2	18.9	-57.0	30.8	12.9	2.4	2.2	0.0	-3.0	-2.1	50.9
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	134,940 (5.6)	38.4	32.8	21.0	65.7	2.4	3.8	-	-	1.2	-5.4	-3.5	27.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	451,786 (18.6)	37.7	31.7	26.7	-14.4	5.1	8.9	1.5	1.5	2.1	-3.2	3.7	80.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	103,043 (4.2)	3.6	26.9	27.6	-52.4	2.7	2.7	0.7	0.7	0.3	-0.5	2.9	158.6
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	18,895 (0.8)	0.0	9.5	8.7	-4.5	13.2	13.0	1.2	1.1	-0.9	-4.6	-2.9	-9.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	48,680 (2.0)	46.1	14.8	15.4	-17.5	19.0	17.6	2.7	2.5	-0.7	-4.1	-4.7	-11.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,762 (0.5)	31.4	19.5	13.3	-10.5	7.7	11.7	1.6	1.6	-1.0	-4.3	-3.7	-18.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,681 (0.1)	34.1	13.0	6.9	-5.1	7.4	13.1	-	-	-0.3	-0.3	8.2	15.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	710,656 (29.3)	18.0	25.2	12.8	21.9	6.3	11.0	1.6	1.4	2.3	-2.7	2.6	51.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	54,245 (2.2)	36.5	17.2	15.5	-0.5	6.4	7.8	1.0	1.1	0.0	-3.8	-0.6	-23.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	94,328 (3.9)	46.5	15.8	9.7	-4.5	10.2	16.7	1.4	1.4	0.8	-5.3	0.3	17.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	264,941 (10.9)	38.9	10.1	8.2	67.9	10.7	14.3	1.1	1.0	3.6	-1.1	0.2	91.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	22,790 (0.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.4	-5.3	-1.8	33.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	28,481 (1.2)	4.6	14.5	12.7	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.6	0.1	-4.2	1.3	7.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	133,076 (5.5)	39.9	32.5	13.4	-11.9	4.3	7.7	1.0	1.0	1.9	-3.7	4.2	54.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	111,343 (4.6)	35.9	8.9	7.6	2.2	15.6	15.6	1.3	1.1	2.2	-2.5	4.0	17.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	333,004 (13.7)	0.0	51.3	21.1	14.4	1.3	8.7	2.4	2.3	2.7	-4.4	-1.8	-5.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	54,275 (2.2)	0.0	15.2	12.9	2.4	18.9	19.7	2.8	2.4	-0.1	-1.1	0.6	-11.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	23,403	1,261 (055)	12,482 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-4.6	6.0	25.5	118.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	31,806 (1.3)	30.3	-	34.8	-75.2	-4.0	23.1	7.6	7.0	-0.9	-1.8	-3.1	66.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	12,533 (0.5)	34.6	14.4	19.6	41.2	15.1	12.0	1.9	1.9	0.6	-1.2	2.2	20.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,822 (0.1)	45.4	13.4	14.0	10.7	22.3	19.5	2.8	2.5	-0.1	-1.4	-4.0	17.7
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	194,979 (8.0)	0.0	19.0	15.4	15.5	28.1	29.6	4.9	4.2	0.6	-2.3	4.0	41.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoí phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhh@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

